

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HNGĐ - ST

Ngày 06 - 9 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Chiến

2. Bà Mai Tường Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Ông Lã Hải Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử 2 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 19xx.

Nơi cư trú: tổ xx, khu x, phường O, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: anh Lê Minh H, sinh năm 19xx.

Nơi cư trú: tổ xx, khu x, phường O, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2022, lời tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T1 trình bày: chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Minh H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn T3, huyện B (nay là phường B, thành phố L), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T1, anh H chung sống tại phường O, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không tu trí làm việc, thường xuyên chơi bời làm thất thoát về kinh tế và không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Trước đây anh H

từng làm công nhân điện lực Cẩm Phả nhưng vì tự ý nghỉ việc quá nhiều nên hiện Công ty đã có thông báo cho anh H nghỉ việc. Anh H ham lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, có người còn đến tận nhà để đòi nợ làm phiền đến cuộc sống của chị T1 và các con. Chị T1 đã tham gia góp ý nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục. Vợ chồng chị T1 thường xuyên xảy ra cãi nhau khiến không khí gia đình rất căng thẳng, mệt mỏi. Hai bên gia đình nội ngoại đã giúp đỡ hòa giải mâu thuẫn cho vợ chồng chị T1, anh H nhưng không có kết quả. Chị T1 và anh H đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T1 và hai con ở căn nhà xây trên đất của ông bà ngoại tại tổ xx, khu x, phường O còn anh H ra ngoài ở và vẫn thường xuyên về nhà thăm các con nhưng giữa chị T1 và anh H không dành tình cảm cho nhau nữa. Thời gian vợ chồng sống xa nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng nên chị T1 xin được ly hôn với anh Lê Minh H để sớm ổn định tinh thần làm việc nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Minh H có 02 con chung là Lê Anh T2, sinh ngày xx/xx/20xx và Lê Hồng Q, sinh ngày xx/xx/20xx. Từ trước đến nay chị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng các con. Các con có nguyện vọng ở cùng với chị T1. Hiện anh H không có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định nên không có điều kiện tốt để nuôi dưỡng con. Chị T1 làm nhân viên tại Công ty cổ phần than D, thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng chị T1 đảm bảo nuôi con tốt.

Tài sản chung: chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Minh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lê Minh H nhiều lần nhưng anh H cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh H, anh H không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, con chung cũng như tài sản và nợ chung.

Các biên bản xác minh ngày 23/6/2022 nơi chị T1 và anh H chung sống, tổ 10, khu 2, phường O được biết do anh H mãi chơi, không có trách nhiệm với gia đình nên chị T1 và anh H mâu thuẫn trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T1 yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Minh H hiện cư trú trên địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn, nuôi con là đúng quy định tại các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Minh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị T1 là nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Minh H kết hôn năm 2006 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn T3, huyện B (nay là phường B, thành phố L), tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H mãi chơi, không tu trí trong công việc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Chị T1 cũng như người thân hai bên gia đình đã khuyên can, động viên hòa giải nhiều lần nhưng do anh H không sửa đổi nên tình cảm vợ chồng không cải thiện. Từ năm 2015 chị T1 và anh H sống ly thân, không dành tình cảm cho nhau nữa. Lời khai của chị T1 về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh H tại nơi cư trú. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh H.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Minh H có hai con chung là Lê Anh T2, sinh ngày xx/xx/20xx và Lê Hồng Q, sinh ngày xx/xx/20xx. Các con chung có nguyện vọng được ở cùng nhau để gắn bó tình cảm chị em và ở với chị T1. Chị T1 có quan điểm trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh H không có quan điểm về con chung. Mặc khác chị T1 có nhà, công việc và thu nhập. Do đó giao con chung cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, anh H không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, vay nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Minh H có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn anh Lê Minh H.

2. Về con chung: giao chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lê Anh T2, sinh ngày xx/xx/20xx và Lê Hồng Q, sinh ngày xx/xx/20xx cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Minh H không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000xxxx ngày xx/x/20xx của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1, bị đơn anh Lê Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS tp Cẩm Phả;
- UBND phường B, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Túc

